SĨ-PHU DUY-TÂN
&
QUAN NIỆM VỀ QUỐC GIA ĐẦU THẾ KỶ THỨ 20

Đầu thế kỷ thứ 20, khi người Pháp hoàn toàn cai trị Việt-Nam, một số các nho sinh đỗ các kỳ thi hương thi hội không muốn ra làm quan, những thanh niên vừa lớn lên không muốn theo cựu-học nữa. Khi Pháp thắng, Việt-Nam thua, không phải chỉ có vấn đề tự ái dân tộc bị tổn thương, kinh tế bị thiệt hại, tài nguyên thiên nhiên bị thất thoát ra nước ngoài mà đấy còn là sự thất bại của một truyền thống văn hóa giáo dục từ cả ngàn năm nay.

Các sĩ-phu Duy-Tân, những người được đào tạo và chịu ảnh hưởng của cựu-học, đã chứng kiến sự thất bại của cựu-học đối với sự hữu dụng của khoa học kỹ thuật Tây-phương. Hơn ai hết, họ phải tìm cách để giải cứu đất nước. Câu giải đáp là: **Học, để mở mang dân trí**.

Tiến-sĩ Trần Quý Cáp (1876 – 1909), khi ra dạy học, có làm bài thơ *Chiêu Hồn Nước*, cốt chỉ bảo cho người đi học biết cách học như thế nào. Ông cho rằng có học thì mới khôn, có khôn thì mới tiến đạt đến văn minh.

Phó-bảng Phan Chu Trinh (1872 – 1926) khuyên mọi người trong nước hãy lo học để tăng dân trí chứ không nên bạo động.

"Quốc dân đồng bào ơi! Chớ nên ỷ lại nơi người, ỷ lại nơi người tất ngu. Chớ nên ỷ mình mà bạo động, bạo động tất hại. Quốc dân đồng bào ơi! Chi bằng học."

Ông khuyên người trong nước nên đoàn kết để tự lo lấy cho nhau. "Người mình không lo khai thông dân trí, liên lạc đoàn thể để làm cơ sở mà chỉ trông người ngoài: cái bệnh dục tốc kiến tiểu đó không ích gì mà lại có hại. Không những thế học hội dân đoàn là cần nhất không có không được và nên tổ chức đầu tiên cả."

Giải-nguyên Phan Bội Châu (1867 – 1940) từng nói rằng: "Giáo dục cũng là cái gốc để gây dựng nền chính trị" (*Tân Việt-Nam*) và "nếu không có học, thì không thể có một thứ kinh tế ưu việt được." (*Dư ngu sám*)

Phan Bội Châu là người có tinh thần tiến bộ, ông nhiệt thành khuyên dân chúng, tất cả mọi giới, đều nên học, không phải chỉ có đến trường và đọc sách mới kể là học.

"Thế nào là học thức? Không phải chuyên nói chuyện đi học, đọc sách mới gọi rằng học thức đâu. Phàm ai dấn mình vào các cuộc công thương thực nghiệp, nghiên cứu những điều tri thức mới lạ trong thế giới đều gọi là học cả." (*Dư-cửu niên-lai sở-trì chi chủ-nghĩa*)

Phan Chu Trinh

Phan Bội Châu

Năm 1905, từ Quảng-Nam, các sĩ-phu Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng và Phan Chu Trinh rủ nhau làm cuộc Nam-du để hô hào cổ động tân-học. Khi đi ngang Bình-Định, gặp lúc có kỳ khảo hạch học trò, với đề thơ là *Chí thành thông thánh*, đề phú là *Danh sơn lương ngọc*, ba ông ký tên là Đào Mộng Giác, nộp bài lẫn vào bài của học trò để truyền bá tư tưởng của mình.

Phan Chu Trinh, khi trở ra Bắc, dừng lại ở Nghệ Tĩnh, hội kiến Ngô Đức Kế, sau đó đến tỉnh Lạng gặp Hoàng Hoa Thám. Khi ở ngoài Bắc, Phan Chu Trinh hội đàm với các ông Lương Văn Can, Đào Nguyên Phổ, Võ Hoành để bàn kế hoạch duy-tân, trong đó có cả việc gửi học sinh sang Nhật.

Sau đó Phan Chu Trinh sang Nhật, bàn bạc với Phan Bội Châu – lúc ấy đang ở Nhật – đến Khánh-Ứng Nghĩa-thục khảo sát cách tổ chức, xong rồi về nước.

Về Hà-Nội, ông gặp lại Lương Văn Can cùng bàn việc sáng lập một nghĩa-thục tương tự như Khánh-Ứng Nghĩa-thục để mở mang dân trí và đào tạo nhân tài. Lương Văn Can được cử làm thục-trưởng, Nguyễn Văn Vĩnh và Phạm Duy Tốn đảm nhiệm việc xin giấy phép mở Đông-Kinh Nghĩa-thục.

Do ảnh hưởng của các sĩ-phu Duy-Tân, Quảng-Nam mở nghĩa-thục, Hội-An, Đà-Nẵng cũng theo đó mà mở trường. Ở Nghệ Tĩnh, Ngô Đức Kế lập trường học, thi xã, bài xích khoa cử, đề xướng tân-học, được Đặng Nguyên Cẩn giúp sức.

Vào tháng Ba năm 1908, xảy ra cuộc Trung-kỳ Dân-biến từ Quảng-Nam lan sang nhiều tỉnh khác. Hàng vạn người đi biểu tình kéo đến Tòa Sứ Quảng-Nam xin giảm thuế khiến cho chính phủ thuộc-địa có cớ chính đáng để bắt giam các sĩ-phu và đập phá các nghĩa-thục.

Tháng Sáu năm 1908, xảy ra vụ Hà-thành đầu độc, hơn 200 quân lính Pháp bị trúng độc trong bữa ăn tối. Những người trực tiếp liên hệ đến vụ ấy đều bị xử tử. Các nhân sĩ của Đông-Kinh Nghĩa-thục bị nghi ngờ là liên can đến vụ này nên bị bắt và bị đi an trí ở các tỉnh hay là đày ra Côn-đảo.

Phong trào Duy-Tân và dư hưởng trong xã hội

Phong trào Duy-Tân do các sĩ-phu nho-học khởi xướng đã để lại những dư hưởng quan trọng trong xã hội Việt-Nam về phong tục, về giáo dục và về tư tưởng.

Về phong tục, một số sĩ-phu đã thay chiếc áo dài bằng bộ Âu-phục. Phan Chu Trinh khởi xướng "mốt Tây-hồ" với một cái áo bành-tô và chiếc quần bằng vải nội hóa nhuộm đen, thắt cà-vạt bằng vải đen, đi đôi giày "dôn" (jaune) mỏ vịt và đội nón "cát" (casque) trắng. Khi trước, đàn ông thường búi tóc, nay mặc Âu-phục, họ cho rằng phải cắt tóc mới thích hợp với bộ Âu-phục gọn gàng. Sĩ-phu hô hào cắt tóc bằng bài "Vè cúp tóc". Họ còn nhận thấy rằng cắt tóc ngắn dễ giữ gìn sạch sẽ, giữ gìn sức khoẻ.

Cắt tóc ngắn còn tỏ ý đoạn tuyệt với hủ tục, còn có nghĩa là duy-tân, ái-quốc. Trong vụ Trung-kỳ dân-biến, những người theo đoàn biểu tình xin giảm thuế đều rủ nhau cắt tóc ngắn. Trong bản xứ án Trần Quý Cáp, ông cũng vì cắt tóc, mặc Âu-phục mà bị xem là có tội !

Khi xưa Việt-Nam quý trọng kẻ sĩ, việc học được xếp hàng đầu trong các nghề: sĩ, nông, công, thương. Khi các nghĩa-thục và các hội hoạt động cần tài chính thì các nho-sĩ không biết

nghề buôn là gì cũng phải ra tập làm ăn buôn bán: buôn gạo, mở hiệu thuốc, bán tạp hóa, khai mỏ, làm ruộng, trồng quế, v.v…

Về giáo dục, phụ nữ bắt đầu được đi học. Khi phong trào Duy-Tân lan tràn, các nghĩa-thục đều có nhận nữ sinh. Các sĩ-phu cổ động tân-học, bỏ lối học khoa cử từ chương. Các nghĩa-thục dạy toán, các môn khoa học, sử ký, địa lý Việt-Nam và thế giới, chữ Quốc-ngữ, chữ Pháp và chữ Hán. Sĩ-phu đọc những sách Âu Tây của Rousseau, Montesquieu, Voltaire qua những bản dịch bằng chữ Hán của các sĩ-phu Trung-Hoa. Nhờ đó họ hiểu được sinh hoạt chính trị và những tư tưởng triết học mới của Âu Tây.

Các sĩ-phu Duy-Tân đã để lại một ảnh hưởng lâu dài và quan trọng hơn cả, đó là sự *phổ thông hóa chữ Quốc-ngữ*. Ban đầu, chính phủ thuộc địa đã khuyến khích rồi ép buộc việc học chữ Việt, nhưng dân chúng từ chối, không chịu gửi con đi học vì cho rằng chữ Việt chỉ là phương tiện trung gian để chuyển đổi từ chữ Hán sang chữ Pháp. Khi các sĩ-phu đích thân cổ động việc học chữ Việt vì họ đã nhìn ra sự tiện lợi của chữ Việt trong việc truyền thông, các sĩ-phu đã gọi thứ chữ Việt la-tinh này là Q*uốc-ngữ*, có nghĩa là "chữ nước nhà". Lúc ấy dân chúng mới bắt đầu nghe theo mà học Q*uốc-ngữ*.

Chính nhờ phong trào Duy-Tân, dân chúng đã được chuẩn bị để chấp nhận học thứ chữ mới, *chữ Quốc-ngữ*, và học theo tinh thần mới, không học từ chương mà học thực nghiệp. Cho nên khi chính phủ Pháp ban hành học chế năm 1908 và triều đình nhà Nguyễn bỏ hẳn khoa cử nho-học năm 1918, những sự khó khăn và ngăn trở không còn nhiều nữa.

Về tư tưởng, những bài văn, bài ca của các sĩ-phu Duy-Tân được đem ra phổ biến trong các nghĩa-thục, rồi lan truyền trong dân gian đã làm thay đổi quan niệm *trung-quân ái-quốc* của sĩ dân trong nước. Những người có học cũng như dân chúng hấp thụ quan niệm mới về *quốc-gia*, về *lòng ái-quốc*, về *trách nhiệm đối với quốc-gia*, và biết đến một ý niệm hoàn toàn mới: *dân-quyền*.

Cho đến đầu thế kỷ thứ 20, đa số dân chúng vẫn chưa có ý niệm về quốc-gia: *"từ trước đến nay dân của nước không biết đến nước"* (Phan Bội Châu). Dân chúng lúc bấy giờ vẫn còn nghĩ rằng "nước" thuộc về dòng họ các vua, vua nào khôn khéo chiếm được "nước" thì truyền ngôi lại cho con cháu. Dù có sự thay đổi ngôi vua, cuộc sống người dân vẫn thế. Được nước, mất nước là việc của vua, người dân không dự phần định đoạt việc nước.

Phan Bội Châu giải thích quan niệm mới về quốc gia, cho rằng nước nhà là gia tài của tổ tiên để lại, là *tổ nghiệp* của dân tộc. Cái di sản ấy không phải riêng của một dòng họ vua nào mà thuộc về chung của mọi người trong nước. Vua không còn biểu hiệu cho nước nữa, như Đặng Nguyên Cẩn đã dự đoán: *"Há phải còn vua nước mới còn"*. Dân tộc biểu hiệu cho quốc gia, quốc gia là di sản của dân tộc. Giới sĩ-phu Duy-Tân đã thay đổi quan niệm xem quốc-gia là cơ nghiệp của một dòng họ để truyền bá quan niệm: *đất nước là tài sản chung của dân tộc*.

Nghìn muôn ức triệu người chung hiệp,
Gây dựng nên cơ nghiệp nước nhà;
Người dân ta, nước dân ta,
Dân là dân nước, nước là nước dân. (Phan Bội Châu, 1906)

Thời nho-học còn thịnh, vua là biểu tượng cho nước, trung-quân có nghĩa là ái-quốc. Nhưng khi vua không còn được xem là biểu tượng của nước, nước là di sản của tổ tiên để lại cho toàn dân, thì ai cũng phải yêu nước như yêu nhà, yêu nước như yêu mình. *Lòng ái-quốc* thoát thai từ cảm tình đơn giản của lòng tư kỷ: yêu mình, về sau bao gồm mọi mối liên hệ tình cảm phức tạp nối mình với gia đình, làng xóm, đồng hương, đồng thời nối hiện tại của mình với quá khứ của đất nước.

*

Tự nhận trách nhiệm đem lại những sự đổi mới cho xã hội, Phan Bội Châu viết *Hải-ngoại Huyết-thư* (1908) trong đó ông giải thích quan niệm mới về quốc-gia như sau:

"Phát bụi lá gai góc, khó nhọc để mở ra thế giới này, không phải là tay chân của tổ tiên hàng nghìn vạn người chúng ta chăng? Sớm chuyên chở, chiều chuyên chở đất cát để lấp kín khe núi kia, không phải là máu mỡ mồ hôi của tổ tiên hàng nghìn vạn người chúng ta chăng? Tổ tiên ta đem nước để lại cho con cháu. Ta là con cháu, ta nhận nước ở tổ tiên ta. Nước ta vốn là gia tài của dân ta. Nước ta vốn là tổ nghiệp của dân ta."

Tổ nghiệp này đã được Phạm Quỳnh nhân cách hóa, cho nó một cái linh hồn: đó là *quốc-hồn*. *Quốc-hồn* là lẽ sinh tồn của một dân tộc, là một *mối siêu hình* liên kết những người cùng trong một nước.

"Người ta thường nói cái gì làm ra một nước, tức là cái quốc-hồn, nhưng quốc-hồn là một mối siêu hình, nghĩa là một vật mắt không trông thấy, tai không nghe thấy, phảng-phất, mập-mờ, không biết lấy gì làm bằng cứ." (*Nam-Phong*, Avril 1919)

Phạm Quỳnh và Nam-Phong Tạp-Chí

Để giúp hiểu thêm ý niệm về quốc-gia, Phạm Quỳnh đã biên dịch bài "Quốc-gia luận" (*Nam-Phong*, Août 1928) trong đó nói đến những nguyên tố đóng góp vào sự thành lập một quốc-gia. Nguyên tố thứ nhất là bờ cõi, đất đai đủ để cho dân chúng sinh hoạt; nguyên tố thứ nhì là chủng tộc; nguyên tố thứ ba là ngôn ngữ; nguyên tố thứ tư là tôn giáo. Ngoài ra còn có những yếu tố về quyền lợi, phong tục, pháp luật, lịch sử.

Tuy nhiên, không một nguyên tố nào vừa kể trên đây được gọi là yếu tố đủ và tất yếu cho sự thành lập một quốc-gia ngoại trừ yếu tố sau đây: "cái cảm-tình chí-nguyện của người dân", dựa theo đó người ta đã có thể đưa ra một định nghĩa về quốc-gia như sau: "Nước là họp ý-nguyện của nhiều người lại, điều-hòa mà thành ra; nước là một đoàn-thể những người tự-do, hiệp nhau lại để cùng sinh-hoạt và cùng hộ-vệ lẫn nhau".

Cùng với ý nguyện của người dân, càng nhiều nguyên tố gom lại thì quốc-gia lại càng vững bền. Phạm Quỳnh đã đưa ra nhận xét rằng hễ tất cả những người dân trong một nước có cùng một chí nguyện chung tất nước đó chính đáng là một quốc-gia.

Phạm Quỳnh đồng ý với Ernest Renan phản đối ý tưởng trong câu ngạn ngữ: "Ở đâu yên thân, là quốc-gia đấy" vì Renan đã từng diễn thuyết (ở Đại-học Sorbonne năm 1882) rằng: "Người ta vì tổ-quốc mà phải khốn-nạn khổ-sở bao nhiêu, thì lại càng thương yêu tổ-quốc bấy nhiêu. Đối với lòng ái-quốc, thì một cái lịch-sử lầm-than đau-đớn cũng bằng một cái lịch-sử sung-sướng vẻ-vang. Cùng nhau cùng chịu khổ, cùng giúp cho quốc-dân được cố-kết bằng cùng nhau cùng đắc-thắng; vì sự khổ chung có lẽ lại liên-lạc người ta mạnh hơn là sự vui chung vậy. Trong kho kỷ-niệm của quốc-gia, những cái kỷ-niệm sầu-thảm thất-vọng lại có giá-trị hơn là những cái kỷ-niệm vẻ-vang đắc-chí, vì nó buộc nghĩa-vụ cho người ta và bắt phải cùng nhau hiệp-lực vậy".

Sự thay đổi tư tưởng chính trị quan trọng nhất mà văn hóa Âu Tây đã đem đến Việt-Nam cùng với chủ nghĩa thực dân chính là quan niệm về quốc gia. Quan niệm về quốc gia đã làm thay đổi ý niệm *thiên-mệnh của đấng quân vương* trong hệ tư tưởng nho-học. Quan niệm mới này chuẩn bị tư tưởng cho dân chúng Việt-Nam chuyển đổi sang những thể chế chính trị tương lai.

Ngô Thị Quý Linh
7/2015

Tham khảo và trích dẫn từ
Lịch sử Việt-Nam thuộc Pháp1858-1945 (Ngô Thị Quý Linh, Hoa Kỳ 2002)
Lược sử Triết lý Giáo dục Việt Nam (Ngô Thị Quý Linh, Hoa Kỳ 1997)